

# PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA TÍN NGƯỠNG DÂN GIÀN VIỆT NAM TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ BẢO TỒN NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

Vũ Hồng Vận<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường ĐH Giao thông vận tải, Phân hiệu tại TP.HCM

<sup>1</sup>VHVan@utc2.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/12/2016; Ngày duyệt đăng: 29/12/2016

## TÓM TẮT

*Tín ngưỡng của người Việt giữ một vị trí đặc biệt và góp một phần quan trọng làm nên nét đặc trưng của văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, nó cũng có những mặt hạn chế nhất định cần được nghiên cứu, xem xét để giúp các cấp chính quyền có những điều chỉnh nhất định nhằm định hướng cho các hoạt động tín ngưỡng, đồng thời khai thác những giá trị vốn có, góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo tồn nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.*

**Từ khóa:** *tín ngưỡng của người Việt, văn hóa Việt Nam.*

## ABSTRACT

### Promoting the values of Vietnamese folk beliefs in building and preserving Vietnamese modern culture with national identity

*Belief of the Vietnamese has played a special role and contributed a critical factor in Vietnamese cultural features. However, it also has certain restrictions that need studying, considering to help the authorities with positive adjustments lead religious activities, while exploiting the inherent value, contributing to the building and preserving Vietnamese modern culture with national identity.*

**Keywords:** *Vietnamese belief, Vietnamese culture.*

### 1. Đặt vấn đề

Văn kiện đại hội của Đảng đã nhiều lần khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của văn hóa trong cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Đảng ta khẳng định “văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển”.

Lịch sử tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam luôn gắn liền với quá trình bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống dân tộc. Trong lịch sử bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống dân tộc, Việt Nam luôn luôn thể hiện bản lĩnh vững vàng trước sự du nhập của những trào lưu văn hóa ngoại lai và những biến đổi lớn lao của thời cuộc. Bản thân lĩnh vực văn hóa là rất rộng lớn và người ta thường gắn khái niệm “bảo tồn văn hóa” với những đối tượng cụ thể như:

bảo tồn văn hóa truyền thống, bảo tồn văn hóa vật thể, bảo tồn văn hóa phi vật thể, bảo tồn di sản văn hóa, bảo tồn văn hóa nông thôn... Hiểu theo nghĩa chung nhất thì bảo tồn văn hóa là gìn giữ, lưu lại những giá trị văn hóa đã được nhiều thế hệ người Việt Nam vun đắp và giữ gìn.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo và nhiều loại hình tín ngưỡng khác nhau. Tuy nhiên, ngay từ khi hình thành, văn hóa Việt Nam đã mang tính thống nhất, nhưng vẫn có những nét riêng biệt, đánh dấu sự khác biệt giữa tộc người này với tộc người khác.

Sinh hoạt tín ngưỡng giữ một vị trí đặc biệt trong sinh hoạt tinh thần của người dân Việt; nó là một nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân đã tồn tại trong lịch sử và cả thời đại ngày nay. Những tín ngưỡng như: tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng, tín

ngưỡng thờ cúng tổ tiên... đã trở thành những biểu trưng và là sự kết tinh sống động của đời sống văn hóa tinh thần của con người Việt Nam. Tín ngưỡng có sức hấp dẫn đặc biệt, nhưng cũng đặt ra không ít các vấn đề cho nhiều nhà khoa học, nhiều người nghiên cứu quan tâm theo nhiều hướng khác nhau trong toàn xã hội (đặc biệt trong sự biến đổi của xã hội ngày nay, khi tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt được vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại).

Công cuộc đổi mới đất nước trong ba mươi năm qua đã đạt được rất nhiều thành tựu quan trọng trên mọi mặt của đời sống xã hội. Trên lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, sau Nghị quyết 24/NQ-TW của Bộ Chính trị về “Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới”, ngày 21/03/1991, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị định 69/NĐ/HĐBT quy định về các hoạt động tôn giáo, thể hiện chủ trương đổi mới chính sách đối với các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng. Kế thừa tư tưởng của Hồ Chủ tịch và nguyện vọng của đa số nhân dân, Văn kiện Hội nghị Trung ương lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (4/2001) nêu quan điểm: “Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của tín ngưỡng Việt Nam”.

Trong những năm gần đây, các sinh hoạt tín ngưỡng đã và đang có xu hướng phát triển và có những diễn biến mới. Hoạt động lễ hội đã có những đóng góp tích cực đối với đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân và với công cuộc duy trì và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta nói chung. Tuy nhiên, nó cũng có những mặt hạn chế nhất định cần được nghiên cứu, xem xét để giúp các cấp chính quyền có những điều chỉnh nhất định nhằm định hướng cho các hoạt động của tín ngưỡng, đồng thời khai thác những giá trị vốn có, góp phần giáo dục truyền thống, đùm bọc lẫn nhau, uống nước nhớ nguồn từ hàng nghìn năm nay của dân tộc ta.

Do điều kiện của độ dài bài báo, tác giả chỉ tập trung vào ba tín ngưỡng dân gian điển hình của người Việt Nam là: tín ngưỡng Thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Mẫu và tín ngưỡng Thành

hoàng làng.

## **2. Thực trạng phát huy những giá trị của tín ngưỡng dân gian Việt Nam trong việc xây dựng và bảo tồn nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc**

Tín ngưỡng là một phần quan trọng trong vốn văn hóa truyền thống của Việt Nam. Ở đây, nó không chỉ biểu hiện dưới hình thức nghi lễ, nó còn ẩn chứa nhiều ý nghĩa sâu xa về nhân sinh, cội nguồn, nếp sống... mà ngày nay, mọi gia đình người Việt vẫn còn giữ được. Để các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo đi vào hoạt động, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động tôn giáo và quản lý các hoạt động tôn giáo; giúp các cấp, các ngành có cơ sở để quản lý, thực hiện nghiêm túc, cơ bản đảm bảo và tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, hạn chế các hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, cụ thể:

- Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo (PLTNTG) ngày 18/6/2004;

- Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng;

- Chỉ thị số 1940/CT-TTg ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về nhà, đất liên quan đến tôn giáo;

- Nghị định số 92/2012/NĐ-CP ngày 08/12/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo;

- Thông tư số 01/2013/TT-BNV ngày 25/3/2013 của Bộ Nội vụ ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu về thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo;

- Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30/5/2014 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ hướng dẫn việc thực hiện nếp sống văn minh tại các cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo.

Nghiên cứu về tín ngưỡng nói chung, các tín ngưỡng dân gian tiêu biểu như: tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng Thành hoàng làng đã được quan tâm từ rất lâu. Có thể kể đến những công trình sau: *Tín ngưỡng Việt Nam* (2005); *Phong tục thờ cúng trong gia*

đình (2005) của Toan Ánh; *Tín ngưỡng dân gian Huế* (2006) của Trần Đại Vinh; *Văn hoá tâm linh* (2002) của Nguyễn Đăng Duy; *Những khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở đồng bằng Bắc bộ* (2005) của Trần Đăng Sinh; *Đạo Mẫu ở Việt Nam* (1996) hay cuốn *Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á* (2004) của Ngô Đức Thịnh (chủ biên); *Di sản văn hóa dân tộc trong tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam* (2000) của Chu Quang Trứ; *Lịch sử tín ngưỡng Đông Nam Á* (2003) của Trương Sĩ Hùng (chủ biên); *Tín ngưỡng thờ Mẫu, cội nguồn, hình thái, văn bản chữ viết* (2004) của Lê Văn Chưởng; *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam* (1996); *Thần tích Hà Nam* (2004) của Nguyễn Duy Hinh; *Tín ngưỡng Thành hoàng và thờ vua Hùng ở Việt Nam* (2001) của Nguyễn Đức Lữ; *Thần tích Hà Nội và tín ngưỡng thị dân* (2004) của Nguyễn Vinh Phúc; *Thành hoàng ở Việt Nam và Shinto ở Nhật Bản* (2005) của Trịnh Cao Tường; *Thành hoàng họ Đặng ở Việt Nam* (2005) của Đặng Văn Lộc (chủ biên)...

Ngoài các công trình về tín ngưỡng dân gian kể trên, còn phải kể đến một số công trình nghiên cứu về tín ngưỡng dân gian Việt Nam tiêu biểu như: *Di sản văn hóa dân tộc trong tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam* (2000) của Chu Quang Trứ; *Tín ngưỡng dân gian Việt Nam* (2001) của Vũ Ngọc Khánh; *Văn hóa dân gian Việt Nam – Những phác thảo* (2003) của Nguyễn Chí Bền; *Tìm hiểu tín ngưỡng truyền thống Việt Nam* (2005) của Mai Thanh Hải; *Góp phần tìm hiểu tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam* (2005) của Nguyễn Đức Lữ (chủ biên).

Các công trình trên đã nêu rõ được lịch sử một số tín ngưỡng dân gian Việt Nam đồng thời chỉ ra được một số giá trị cũng như ý nghĩa nhân văn của tín ngưỡng dân gian Việt Nam nói chung và từng tín ngưỡng dân gian tiêu biểu nói riêng.

Về vai trò của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống xã hội trong nhiều năm qua đã được quan tâm, nhiều hội thảo đã được tổ chức, cụ thể:

+ Ngày 29/3/2012, tại thành phố Cần Thơ, Ban chỉ đạo Tây Nam bộ phối hợp với Viện Nghiên cứu Tôn giáo (thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam) và Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ

tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề *Biến động tín ngưỡng tôn giáo trong quá trình hiện đại hóa công nghiệp hóa (nghiên cứu trường hợp đồng bằng sông Cửu Long)*;

+ Trong hai ngày 30 và 31/3/2015, tại thành phố Đà Nẵng, Ban Tôn giáo Chính phủ phối hợp với Viện Liên kết toàn cầu Hoa Kỳ (IGE) tổ chức hội thảo *Đóng góp của các tôn giáo trong đời sống xã hội*;

+ Gần đây nhất, vào ngày 04/12/2016 Ban Tôn giáo Chính phủ đã tổ chức hội thảo về *Tín ngưỡng và công tác quản lý hoạt động tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*.

Các hội thảo đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo vệ và phát huy những giá trị mà các hoạt động tín ngưỡng mang lại, đồng thời tránh để tín ngưỡng bị lợi dụng, bị thương mại hóa làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội.

### 3. Giá trị của tín ngưỡng dân gian Việt Nam

#### 3.1. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

Có thể nói: “Tục thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng phổ biến nhất của người Việt Nam. Nó bắt nguồn từ niềm tin rằng linh hồn người chết vẫn tồn tại trong thế giới chúng ta và ảnh hưởng tới cuộc sống của con cháu”. “Hình thức thờ cúng này tìm thấy ở Việt Nam cách biểu hiện phổ biến nhất và đầy đủ nhất. Nó phổ biến nhất, vì người Việt Nam dù có theo Nho, Phật hay Lão đều thờ cúng cha mẹ. Bàn thờ cha mẹ có mặt tại mọi nhà kể cả ở các gia đình cộng sản hay công giáo. Mọi gia đình đều mời anh em thân tộc đến dự ngày cha mẹ mình mất” [7, tr.319–320].

Một điều rất đặc biệt trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt, và có lẽ chỉ người Việt mới có, đó là thờ cúng tổ tiên trong cả nước. Dân tộc ta có câu: “*Dù ai đi ngược về xuôi - Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba*”.

Đối với dân tộc ta, dù là người Kinh, đồng bào các dân tộc ít người, ở miền xuôi hay miền ngược cùng có chung một thời gian, ngày giỗ Tổ. Chúng ta quen gọi nhau hai chữ “đồng bào, con cháu cùng chung trong một bọc. Ý nghĩa thiêng liêng tổ quốc còn bao hàm tổ tông, huyết thống trong gia đình, gia tộc. Sau này cụ Phan Bội Châu trong Quốc sử khảo có viết: nước là cái nhà to,

nhà là cái nước nhỏ để chỉ rõ mối quan hệ nhà và nước, nước và nhà. Tổ quốc theo quan niệm của người Việt cùng với lãnh thổ, chủ quyền, còn có một không gian thiêng liêng để thờ tự. Tại gia đình đó là bàn thờ, tại gia tộc đó là nhà thờ họ, còn đối với thờ tổ tiên của cả nước, không gian thiêng liêng đó chính là ngọn núi Lĩnh, đền Hùng (Phú Thọ). Cho đến ngày nay, đền Hùng đã trở thành chốn “đi về” của nhiều con dân đất Việt, đặc biệt vào ngày giỗ Tổ, nhân dân khắp nơi lại nô nức kéo nhau về; về để được gặp lại “Tổ”, để cầu phúc, cầu bình an, và cũng là một phần để tưởng nhớ những con người đã “có công dựng nước”, khai mở bờ cõi, hình thành nên một dân tộc trường tồn dù đã trải qua bao nhiêu thăng trầm của thời cuộc.

Như thế, thờ cúng tổ tiên đã thực hiện một nếp sống văn hóa đạo đức và tâm linh. Vừa tỏ lòng nhớ tổ tiên, vừa duy trì niềm tin thiêng liêng tổ tiên phù hộ cho mình. Nếp sống văn hóa ấy không phải là từ niềm tin của một tôn giáo, bởi vì nó không có giáo lý, giáo hội, giáo đường hay giáo chủ. Nó cũng không gây cứu cánh về cái chết lên thiên đàng, hay xuống địa ngục, mà chỉ gây niềm tin cho sự đẹp lòng hay quả trách của tổ tiên. Nó tạo điều kiện duy trì những không gian thiêng liêng, những môi trường văn hóa truyền thống, ý nghĩa giáo dục rất lớn mỗi khi con cháu nhớ đến tổ tiên.

### 3.2. Tín ngưỡng thờ Mẫu

Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt khởi đầu gắn với con người từ khi cư trú ở những vùng rừng núi, với hình ảnh đầu tiên là Mẫu thượng ngàn, Mẫu sơn lâm. Trong quá trình di cư xuống những vùng thấp hơn, tín ngưỡng thờ Mẫu dần dần lan toả xuống những vùng đồng bằng. Vì thế, trong các buổi hầu bóng tái hiện Mẫu thượng ngàn, thường là những bà người Dao, Tày, Nùng... Và không gian thiêng liêng thờ Mẫu khi ấy chưa phải là “phủ”, mà chỉ là những ngôi đền, miếu có quy mô nhỏ.

Khi con người lênh đênh trên những thuyền bè sông nước để tiến về xuôi, thì người mẹ nâng đỡ ấy lại là nước, ý thức về Mẫu thoải (thủy) dần được hình thành. Khi xuống đồng bằng định cư, sản xuất nông nghiệp lúa nước, chế ngự sông

nước, biển cả, thì hình ảnh Mẫu địa, Mẫu thủy dần được hình thành tham dự vào hàng “ngũ Mẫu”. Đồng thời với việc đồng áng, việc trông trời, trông nước trông mây, ý thức về thời tiết, mây, mưa, sấm, chớp, con người phải ngẩng đầu lên trời trông ngóng, cầu khẩn, Mẫu thiên xuất hiện từ những ý niệm thờ Mẫu là những thiên thần còn được mở rộng như: Thần núi, thần sông... Sự phát triển trên chủ yếu diễn ra ở Bắc bộ.

Còn khi Mẫu vào miền Trung, tiếp thu thêm việc thờ nữ thần xứ sở của người Chăm Pô I Nư Naga, tín ngưỡng này có pha chút Đạo giáo thần tiên, biến thành thờ Thiên Y A Na - bà mẹ y theo mệnh trời. Riêng ở Huế, ngày xưa cũng có điện thờ mẹ xứ sở Pô I Nư Naga của người Chăm, sau này được người Việt tiếp thu thành nữ thần Thiên Y A Na, nơi thờ được đổi thành điện Hòn Chén, hoặc Huệ Nam điện, Thiên Y A Na được gọi là bà chúa Ngọc. Ở Nam bộ, Mẫu kết hợp với nữ thần Đất của người Khome Nam bộ thành ra phổ biến thờ là Chúa Xứ ở khắp các làng ấp Nam bộ, điển hình là thờ bà chúa Xứ ở Châu Đốc An Giang và điện Bà Đen ở núi Bà Đen tỉnh Tây Ninh.

Thực chất biểu hiện thiêng liêng thờ Mẫu ban đầu là những nhiên thần, được sinh ra từ quan niệm của cư dân nông nghiệp về cây, đất nước, trời, từ sự thành kính đối với người phụ nữ mà đã tôn các hiện tượng đó lên thành Mẹ. Và trong quá trình tồn tại và phát triển của mình, trong quá trình nhận thức không ngừng thế giới xung quanh, những quan niệm sơ khai đó được nâng lên thể hiện triết lý sáng tạo vũ trụ theo triết học phương Đông. Đồng thời, những biểu tượng thiêng liêng là các vị có công dẹp giặc, khai phá đất đai, cũng như việc thờ thần ở các đình đền cũng thể hiện truyền thống nhớ về cội nguồn. Và trong quá trình sinh hoạt tín ngưỡng thờ Mẫu, nhiều biểu tượng thiêng liêng từ các tôn giáo khác cũng đã được người dân Việt khôn khéo sử dụng, dần dần được Việt hóa thành những đáng thần linh rất riêng trong thiên đình Mẫu.

Sự tín vọng các Mẫu trên đã chứng tỏ thuyết ưu thế của phụ nữ so với nam giới của người Việt. Nhưng, kể từ khi Nho giáo vào Việt Nam, với việc nhấn mạnh vai trò của nam giới thì phụ nữ

bị đẩy ra khỏi chính quyền, đẩy ra khỏi văn học chính thống. Nói chung, giới chức cầm quyền và tầng lớp trên của xã hội không còn coi trọng phụ nữ nữa. Nhưng một thực tế, trong đời sống của người Việt bình dân thì vai trò của người phụ nữ vẫn giữ một vị trí đặc biệt. Trong tâm thức của lớp người bình dân, người mẹ (Mẫu) vẫn được coi là có quyền lực bất khả kháng. Mẹ trở thành biểu tượng thường trực trong mọi thể ứng xử của người Việt. Vì vậy, ở Việt Nam người mẹ được tôn vinh thành riêng một tín ngưỡng thờ mẹ (Mẫu).

Tín ngưỡng thờ Mẫu còn thể hiện rất rõ tâm thức của dân tộc Việt. Một dân tộc luôn mong mỏi hòa bình, một cuộc sống bình dị, được sống dưới mái ấm của gia đình với tình thương bao la của mẹ (Mẫu), những bà mẹ vừa có những sức mạnh phi trần thế song lại rất đời thường. Đặc biệt là tình yêu thương bao la đối với con cái, sức mạnh phi trần thế của các bà chỉ nhằm một mục đích là bảo vệ con cái, và những giá trị thiêng liêng của dân tộc.

### 3.3. Tín ngưỡng Thành hoàng làng

Trong lịch sử phát triển của các triều đại phong kiến Việt Nam, kể từ thời Lý, Trần, việc “phong thần” là vì công “âm phù” của thần. Nhưng các vị thần đó chỉ “âm phù” cho các vị vua mà thôi. Nhưng bắt đầu từ thời nhà Lê, do ở chỗ độc tôn Nho giáo nên đề cao trung ương tập quyền và vương quyền, thu tóm mọi quyền lực của cả nước vào trong tay triều đình, cai quản xã hội đến tận làng xã. Do vậy, về mặt tinh thần, phong “vương” cho thần làng (để trở thành Thành hoàng làng đứng đầu bách thần trong làng), trở thành quan chức triều đình, một vị “vương” thay mặt vua trấn giữ địa phương được “phân phong” đúng như chế độ phân phong công thần của chế độ phong kiến.

Tình cảm tôn giáo, tín ngưỡng là không thể tránh khỏi trước những hiện tượng mà con người không thể lý giải, nhưng tình cảm đó đối với người dân Việt không nói ra nhưng nó vẫn chứa đựng những yếu tố duy lý, sự kết hợp giữa yếu tố duy cảm và duy lý trong tư duy của người Việt đã tạo dựng nên chỗ khác biệt đối với những tôn giáo mà người Việt đã tiếp xúc qua.

Trong xã hội phong kiến trung ương tập quyền, sự cai trị của tầng lớp trên hoàn toàn thông qua sự áp đặt. Người dân, đặc biệt là người nông dân rất khó phản kháng. Cách tốt nhất là chấp nhận làm theo, nhưng họ lại không dập khuôn hoàn toàn theo ý kiến áp đặt đó. Một cách nào đó để có thể vừa giữ được cái tôi giá trị của mình mà vẫn không bị đàn áp bởi giai cấp thống trị? Cách tốt nhất chính là dung hợp những tôn giáo ngoại lai, điều chỉnh phù hợp với tâm thức chung của cộng đồng, ý tưởng vì bộ phận dân nghèo trong xã hội, cấu trúc lại theo tâm thức tổ quốc luận của người Việt để mà dung hoà với giai cấp thống trị.

Tín ngưỡng Thành hoàng thực chất là tín ngưỡng phúc thần đóng vai trò liên kết cộng đồng người trong một cộng đồng lãnh thổ được giới hạn bởi những lũy tre làng, làm nơi quy y tâm linh cho cư dân làng xã. Tín ngưỡng đó mang màu sắc Việt trong bản chất, dù rằng nó đã được tiếp thu bao nhiêu yếu tố và văn hoá khác. Đó chính là bản sắc tín ngưỡng, tôn giáo, làm nền tảng cho sự tồn tại và phát triển trong mấy ngàn năm của dân tộc. “Đó không phải là mê tín, chưa phải là tôn giáo (phổ quát). Chỉ mang lại phước lành cho nông dân, không gây ra những hậu quả xấu như chiến tranh tôn giáo hay kỳ thị tôn giáo” [3, tr.410].

Tín ngưỡng Thành hoàng làng Việt Nam là sự sáng tạo của người nông dân Việt Nam được thể nghiệm qua nhiều thế hệ. Tuy nhiên, xã hội Việt Nam đã vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam không còn giữ vai trò chủ đạo trong những sinh hoạt tinh thần của làng xã nữa, và về cơ bản nó không còn giữ nguyên bản ban đầu. Nhưng, những giá trị mà nó đem lại trong đời sống tinh thần của cư dân làng xã thì không thể phủ nhận được.

### 3. Một số giải pháp nhằm phát huy những giá trị của tín ngưỡng dân gian Việt Nam trong việc xây dựng và bảo tồn nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc

*Thứ nhất*, có những hình thức tuyên truyền, giáo dục đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tự do không tín ngưỡng. Đồng thời, chúng ta tìm cách để người dân hiểu và nhận thức được ranh giới giữa sinh hoạt tín ngưỡng với các hoạt động

mê tín dị đoan.

Kiên quyết xử lý nghiêm những kẻ lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá vỡ sự ổn định chính trị - xã hội, gây rối trật tự công cộng, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc... Tín ngưỡng là nhu cầu tinh thần thiết yếu của một bộ phận dân cư, nó đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc Việt Nam trong quá trình xây dựng đất nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”. Tự do tín ngưỡng đã được xác định ngay từ những năm đầu lập quốc và được thể hiện trong Hiến pháp năm 1946, cũng như sau này nội hàm về tự do tín ngưỡng đã được mở rộng, tiếp tục được ghi nhận và phát triển trong các bản Hiến pháp.

Những năm gần đây, một số văn bản pháp luật tiếp tục cụ thể hóa tư tưởng của Hiến pháp nước ta về tín ngưỡng và tôn giáo như: Nghị quyết số 25 -NQ/TW ngày 12-3-2003 của Ban chấp hành Trung ương Đảng; Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo của ủy ban thường vụ Quốc hội (2004)... Ngoài ra, chúng ta phải có kế hoạch, biện pháp tuyên truyền những văn bản luật, dưới luật... xuống tận người dân để họ hiểu được chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Về mặt đường lối, chúng ta đã có chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng được ban bố công khai và ngày càng cụ thể hóa. Chính sách tôn giáo, tín ngưỡng đó đều xuất phát từ nhận thức khoa học, cơ sở lý luận khách quan và căn cứ vào từng nhiệm vụ chính trị của từng giai đoạn nên sát hợp và đúng đắn. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là việc thâm nhập nội dung và ý nghĩa của chính sách đó lại không được lưu tâm đầy đủ đúng mức.

*Thứ hai*, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Mục đích của biện pháp này là nâng cao trình độ nhận thức về văn hóa, khoa học, kỹ thuật... từ đó phân biệt được cái đúng, cái sai, cái hay, cái dở... để rồi tự giác loại bỏ những hiện tượng tiêu cực và phát huy những yếu tố tích cực trong sinh hoạt tín ngưỡng hiện nay.

Để hạn chế những tiêu cực trong sinh hoạt tín ngưỡng, chúng ta phải từng bước nâng cao đời sống vật chất của nhân dân, phải bảo bảo các

nhu cầu ăn, mặc, ở, việc làm... cho nhân dân. Đồng thời phải khai thác triệt để những thế mạnh ở các làng nghề truyền thống, các lễ hội dân gian, các sinh hoạt tín ngưỡng lành mạnh và thậm chí ở ngay trong sinh hoạt của mỗi gia đình, dòng tộc... Từ đó người dân có điều kiện nâng cao văn hóa, hiểu biết khoa học, thoát khỏi những hủ tục lạc hậu, những tư tưởng mê tín dị đoan. Không chỉ dừng lại ở việc nâng cao đời sống vật chất, còn phải đồng thời nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Chăm lo, xây dựng đời sống tinh thần cho nhân dân, dựa trên cơ sở giữ gìn và phát huy những giá trị tinh thần truyền thống tốt đẹp, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại, hòa nhập nhưng không hòa tan...;

Nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân nhưng có sự lãnh đạo của Đảng, đảm bảo quyền tự do, dân chủ của nhân dân... Khôi phục những lễ hội truyền thống nhằm phát huy những giá trị tích cực của các tín ngưỡng như: tính hướng thiện của con người, tình yêu thương của con người với con người, tương thân tương ái, sự chân thành, lòng vị tha, sống có tình có nghĩa, trọng nghĩa hơn tiền bạc, có lòng vị tha, ở hiền gặp lành...

Ngoài ra, cần phải nâng cao trình độ nhận thức của quần chúng nhân dân về mọi mặt như: nâng cao trình độ văn hóa, sự hiểu biết về chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nâng cao nhận thức đúng đắn về tín ngưỡng, tôn giáo và đường lối, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về quyền tự do tín ngưỡng của mọi người dân. Đồng thời giáo dục đạo lý uống nước nhớ nguồn, lòng yêu nước, bản sắc văn hóa... của dân tộc ta.

*Thứ ba*, xây dựng môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh. Cụ thể là xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tại các công trình tín ngưỡng

Xây dựng môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh trong cơ sở tín ngưỡng đã được đặt ra thành các chương trình hành động quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đảm nhận. Tuy nhiên, đây là vấn đề khó khăn, phức tạp nên cần dứt điểm từng giai đoạn, có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các ngành có liên quan từ trung ương tới địa phương.

Xây dựng môi trường văn hóa - xã hội lành

mạnh và lưu giữ nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc cùng với lễ hội truyền thống của dân tộc ta. Chúng ta phải biết kết hợp ba yếu tố: tính tín ngưỡng, tính văn hóa và tính dân tộc. Lễ là nguyên nhân thứ nhất dẫn đến việc hình thành hội trong các lễ hội. Muốn phát triển nhiều hơn yếu tố hội, nhưng nếu mất đi những yếu tố truyền thống dân tộc và tính tín ngưỡng hay tính “thiêng” của lễ, thì hội cũng khó mà tồn tại được lâu dài.

Chúng ta không quên bồi dưỡng kiến thức khoa học, bồi dưỡng về chủ nghĩa vô thần để hướng các hoạt động tín ngưỡng vào việc xây dựng con người mới, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần xây dựng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tại các cơ sở sinh hoạt tín ngưỡng là nơi thu hút nhiều người tham gia sinh hoạt tâm linh, sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Muốn có một môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh thì ngay từ những nơi này phải có những qui hoạch sắp xếp, hướng dẫn và quản lý của các cấp chính quyền. Trong những lễ hội dân gian, bao giờ cũng đan xen yếu tố mê tín dị đoan. Để nhận thức đúng đắn về tín ngưỡng và phân biệt nó với mê tín dị đoan là một vấn đề không đơn giản. Vì thế, chúng ta phải khéo léo, mềm dẻo nhưng không mất đi tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời phải cảnh giác và đấu tranh với những âm mưu thủ đoạn “diễn biến hòa bình”.

*Thứ tư*, tăng cường công tác đào tạo đội ngũ và nghiên cứu khoa học về tín ngưỡng, tôn giáo. Để giải pháp này được thực hiện, trước tiên chúng ta phải nghiên cứu tiếp và đầu tư cả kiến thức lẫn vật chất vào những vấn đề đang đặt ra về mặt lý luận của tín ngưỡng hiện nay. Cần mở nhiều lớp học ngắn hạn hơn nữa để cập nhật thông tin, cung cấp kiến thức về tín ngưỡng cho người làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo. Có thể xây dựng thêm các trung tâm, các học viện, các viện đào tạo và nghiên cứu về tín ngưỡng, tôn giáo; viết những tài liệu có tính chất tham khảo về các loại hình tín ngưỡng. Đưa sách và tài liệu xuống các địa phương cơ sở tham khảo, để có biện pháp quản lý tốt hơn, tránh sự tùy tiện gây khó khăn phức tạp cho

việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân.

Hiện nay, đã có một số cơ quan khoa học nghiên cứu về tôn giáo và tín ngưỡng. Năm 1998, Trung tâm nghiên cứu tiềm năng của con người được thành lập với mục đích tìm hiểu, nghiên cứu về cơ thể, khả năng tiềm ẩn của con người nhằm làm sáng tỏ những hiện tượng đã xuất hiện trong thực tế cuộc sống. Đồng thời, trung tâm này ra đời cũng nhằm khai thác hết những khả năng “kỳ diệu” của con người để phục vụ cho lợi ích cộng đồng và xã hội. Đây là một tiến bộ mới trong việc xây dựng tư tưởng khoa học, tiến bộ, nhân văn của Nhà nước ta và cần phát triển thêm nhiều trung tâm nghiên cứu những hiện tượng “kỳ lạ” của con người, để tránh sự giải thích lệch lạc và nghi hoặc của người dân.

Tín ngưỡng và tôn giáo còn tồn tại lâu dài cùng dân tộc. Cho nên, cần phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ phục vụ cho yêu cầu hiện tại mà còn phải đáp ứng cho tương lai... Trong bối cảnh ngày nay, khi những biến động xã hội to lớn đã tác động không nhỏ tới sự lựa chọn ngành nghề của nhiều người (đặc biệt đối với thế hệ trẻ) thì việc có chính sách đãi ngộ thỏa đáng cũng đóng góp một phần không nhỏ trong việc đào tạo đội ngũ nghiên cứu, tuyên truyền. Ngoài ra, cần có cơ chế bồi dưỡng, bồi dưỡng thường xuyên, thâm nhập thực tế của đội ngũ nghiên cứu nhằm nâng cao lý luận, nắm bắt thực tiễn và thực hành tuyên truyền của đội ngũ này.

#### 4. Kết luận

Sinh hoạt tín ngưỡng đã từ lâu gắn với nhiều truyền thống văn hóa dân gian. Nó là những biểu trưng, những hình tượng của đời sống văn hóa tinh thần của người dân Việt Nam. Các sinh hoạt tín ngưỡng này đã có một sức hấp dẫn đặc biệt. Sinh hoạt tín ngưỡng đã đáp ứng nhu cầu không thể thiếu và khát vọng của đời sống thường nhật của con người. Ngày nay, khi mà xu hướng toàn cầu hóa đang có mặt trên khắp các quốc gia và đất nước ta đang có những biến đổi sâu sắc về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã

hội thì tín ngưỡng dân cũng đang có những thay đổi cả về mặt lý luận lẫn nhận thức cũng như hình thức biểu hiện.

Đảng và Nhà nước ta luôn quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng, thực hiện đường lối, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo. Bên cạnh đó, phải quán triệt và thực hiện đúng chủ trương, đường

lối nhất quán của Đảng và pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Đánh giá đúng giá trị văn hóa, đạo đức của các tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Chúng ta đã, đang và sẽ cùng với những giá trị văn hóa truyền thống của mình chủ động hội nhập, thực hiện tốt công cuộc đổi mới đất nước vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Chí Bền, 2003. *Văn hóa dân gian Việt Nam – Những phác thảo*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [2] Chu Quang Chứ, 2000. *Di sản văn hóa dân tộc trong tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam*, NXB Văn hóa - thông tin, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Duy Hinh, 1996. *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Vũ Ngọc Khánh, 2001. *Tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [5] Vũ Khiêu, 1996. *Bàn về văn hiến Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Bùi Xuân Mỹ, Phạm Minh Thảo, Trần Thị An (1996. *Từ điển lễ tục Việt Nam*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [7] Phan Ngọc, 2002. *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [8] Hồ Sĩ Quý, 2010. Văn hóa và văn minh, giá trị và con người - Những khái niệm công cụ chủ yếu trong nghiên cứu khoa học xã hội, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Minh San, 1998. *Tiếp cận tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.